SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Đơn vị: Bệnh Viện Nhi đồng 2

Mẫu số C53-HD
(Ban hành kèm theo QĐ số 19/2006/QĐ-BTC
ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN THEO DANH MỤC THANH LÝ TÀI SẢN TỪ THÁNG 01->06 NĂM 2022

Thời điểm kiểm kê: Ngày 04 tháng 08 năm 2022

Ban kiểm kê gồm:

1. Ông Trịnh Hữu Tùng — Giám đốc: Chủ tịch hội đồng
2. Ông Phạm Ngọc Thạch — Phó GĐ: Thành viên
3. Ông Nguyễn Trung Kiên — Trưởng phòng TCKT: Thành viên
4. Ông Huỳnh Trọng Dân — Q.Trưởng phòng HCQT: Thành viên
5. Bà Lâm Lạc Thư — Trưởng phòng Điều dưỡng: Thành viên
6. Bà Phạm Thị Ngọc Quy — Q.Trưởng phòng QLCL: Thành viên
7. Ông Trương Văn Sơn — Nhân viên quản lý kho thanh lý P.HCQT: Thành viên
8. Bà Đinh Thị Thủy — Nhân viên P.HCQT: Thành viên
9. Bà Vũ Thị Thùy Trang — Nhân viên P.HCQT: Thành viên

Đã kiểm kê tài sản, kết quả như sau:

STT	TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THANH LÝ THEO SỔ KẾ TOÁN (ĐVT: Ngàn đồng)			GIÁ TRỊ KIỂM KÊ THANH LÝ (ĐVT: Ngàn đồng)			GIÁ TRỊ CHÊNH LỆCH			GHI CHÚ
						SL THANH LÝ SỔ SÁCH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	SỐ LƯỢNG KIỂM KÊ THỰC TẾ	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	SỐ LƯỢNG	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Cân đứng	SECA	VN		2007	1	9.226.000	0	1	9.226.000	0	0		0	
2	Giường 1 tay quay + nệm	Hàng viện trợ	VN		2008	1	5.350.000	0	1	5.350.000	0	0		0	
3	Két sắt		VN		1985	2	10.000.000	0	2	10.000.000	0	0		0	
4	Két sắt	F16:F18	VN		1990	1	12.000.000	0	0		0	(1)	12.000.000	0	
5	Máy ép nhựa		VN		1998	1	9.500.000	0	1	9.500.000	0	0		0	
6	Máy giặt	Tosen	VN		1995	1	343.000.000	0	1	343.000.000	0	0		0	
7	Máy in	HP M602	VN		2018	1	33.550.000	0	1	33.550.000	0	0		0	
8	Máy in	HP 5200	VN		2009	1	23.700.000	0	0		0	(1)	23.700.000	0	

STT	TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THANH LÝ THEO SỔ KẾ TOÁN (ĐVT: Ngàn đồng)			GIÁ TRỊ KIỂM KÊ THANH LÝ (ĐVT: Ngàn đồng)			GIÁ TRỊ CHÊNH LỆCH			GHI CHÚ
						SL THANH LÝ SỔ SÁCH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	SỐ LƯỢNG KIỂM KÊ THỰC TẾ	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	SỐ LƯỢNG	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
9	Máy in kim	LQ 310	VN		2015->2017	15	87.196.400	0	0		0	(15)	87.196.400	0	
10	Máy in kim	LQ 300	VN		2014	4	23.320.000	0	0		0	(4)	23.320.000	0	
11	Máy in kim	2080	VN		2003	1	10.111.400	0	1	10.111.400	0	0		0	
12	Máy may kim	Juki 5550	VN		2011	2	14.000.000	0	0		0	(2)	14.000.000	0	
13	Máy Photo	Canon IR 2016	VN		2007	1	26.411.000	0	1	26.411.000	0	0		0	
14	Máy sấy vắt	Rapioe	VN		1998	1	158.000.000	0	1	158.000.000	0	0		0	
15	Máy vi tính	CELERON 1,8Ghz. Monitor cục lớn	VN		2003	1	6.544.650	0	0		0	(1)	6.544.650	0	
16	Máy vi tính	Intel Core E7600 3,06Ghz. Ram 992MB. Monitor: 2: LCD Samsung; 1 LCD Dell	VN		2009	1	9.176.000	0	0		0	(1)	9.176.000	0	
17	Máy vi tính	Intel Core E7600 3,06Ghz. Ram 992MB. Monitor: 2: LCD Samsung; 1 LCD Dell	VN		2009	1	9.606.000	0	1	9.606.000	0	0		0	
18	Máy vi tính	Intel Core E7600 3,06Ghz. Ram 992MB. Monitor: 2: LCD Samsung; 1 LCD Dell	VN		2009	1	8.087.000	0	0		0	(1)	8.087.000	0	
19	Máy vi tính	Pentium Dual Core E5700 3,0Ghz. Ram 1,96GB. Monitor: LCD ViewSonic, LCD Samsung	VN		2008	1	8.877.236	0	0		0	(1)	8.877.236	0	
20	Máy vi tính	Intel Pentium Dual E2180 2,0Ghz Ram 0,99GB. Monitor: LCD HP	VN		2008	1	7.683.000	0	0		0	(1)	7.683.000	0	
21	Máy vi tính	Intel Core 6320, 1,86Ghz. HP1710	VN		2004	1	7.867.650	0	0		0	(1)	7.867.650	0	
22	Máy vi tính	Intel Core E7400 2,8Ghz Ram 1,99GB. Monitor: LCD Dell	VN		2009	1	8.974.000	0	0		0	(1)	8.974.000	0	

STT	TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THANH LÝ THEO SỔ KẾ TOÁN (ĐVT: Ngàn đồng)			GIÁ TRỊ KIỂM KÊ THANH LÝ (ĐVT: Ngàn đồng)			GIÁ TRỊ CHÊNH LỆCH			GHI CHÚ
						SL THANH LÝ SỔ SÁCH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	SỐ LƯỢNG KIỂM KÊ THỰC TẾ	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	SỐ LƯỢNG	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
23	Máy vi tính	P4-2	VN		1998	1	9.135.000	0	0		0	(1)	9.135.000	0	
24	Máy vi tính	E5200 CDC cấp	VN		2011	1	11.000.000	0	1	11.000.000	0	0		0	
25	Máy vi tính	Lenovo	VN		2011	1	12.658.729	0	1	12.658.729	0	0		0	
26	Quầy	2500x800x1100	VN		2016	1	12.650.000	0	1	12.650.000	0	0		0	
27	Tivi Samsung	40 inch	VN		2019	2	19.461.200	0	2	19.461.200	0	0		0	
28	Tủ lạnh	Hitachi 506 lít - 2 cửa	VN		2007	1	11.500.000	0	1	11.500.000	0	0		0	
29	Tủ lạnh	Electrolux 522 lít	VN		2009	1	15.850.000	0	1	15.850.000	0	0		0	
30	Tủ mát	Alaska LC 2516	VN		2008	1	5.100.000	0	1	5.100.000	0	0		0	
	TỔNG CỘNG						929.535.265	0		702.974.329	0		226.560.936	0	

Ngày 04 tháng 08 năm 2022

Trưởng Ban Kiểm Kê

BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 2

BS.CKII Trịnh Hữu Tùng

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Đơn vị: Bệnh Viện Nhi đồng 2

Mẫu số C53-HD
(Ban hành kèm theo QĐ số 19/2006/QĐ-BTC
ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KIỂM KÊ CÔNG CỤ - DỤNG CỤ THEO DANH MỤC THANH LÝ CÔNG CỤ - DỤNG CỤ KHÁC TỪ THÁNG 01 -> 06 NĂM 2022

Thời điểm kiểm kê: Ngày 04 tháng 08 năm 2022

Ban kiểm kê gồm:

1. Ông Trịnh Hữu Tùng Giám đốc: Chủ tịch hội đồng
2. Ông Phạm Ngọc Thạch Phó GĐ: Thành viên
3. Ông Nguyễn Trung Kiên Trưởng phòng TCKT: Thành viên
4. Ông Huỳnh Trọng Dân Q.Trưởng phòng HCQT: Thành viên
5. Bà Lâm Lạc Thư Trưởng phòng Điều dưỡng: Thành viên
6. Bà Phạm Thị Ngọc Quyê Q.Trưởng phòng QLCL: Thành viên
7. Ông Trương Văn Sơn Nhân viên quản lý kho thanh lý P.HCQT: Thành viên
8. Bà Đinh Thị Thủy Nhân viên P.HCQT: Thành viên
9. Bà Vũ Thị Thùy Trang Nhân viên P.HCQT: Thành viên

Đã kiểm kê tài sản, kết quả như sau:

STT	TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THANH LÝ THEO SỔ KẾ TOÁN (ĐVT: Ngàn đồng)			GIÁ TRỊ KIỂM KÊ THANH LÝ (ĐVT: Ngàn đồng)			GIÁ TRỊ CHÊNH LỆCH			GHI CHÚ
						SL THANH LÝ SỔ SÁCH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	SỐ LƯỢNG KIỂM KÊ THỰC TẾ	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	SỐ LƯỢNG	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Amply		VN		2011	3	1.350.000	0	0		0	(3)	1.350.000	0	
2	Bàn + Ghế	1 bàn + 2 ghế	VN		2015	1	2.156.000	0	1	2.156.000	0	0		0	
3	Bàn chân sắt mặt gỗ		VN		1990	1	300.000	0	1	300.000	0	0		0	
4	Bàn làm việc		VN		1996, 1998	5	2.960.000	0	5	2.960.000	0	0		0	
5	Bàn ủi		VN		2015	2	960.000	0	0		0	(2)	960.000	0	
6	Bếp ga	Rinnai	VN		1996, 1999, 2016	3	3.430.000	0	3	3.430.000	0	0		0	

STT	TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THANH LÝ THEO SỔ KẾ TOÁN (ĐVT: Ngàn đồng)			GIÁ TRỊ KIỂM KÊ THANH LÝ (ĐVT: Ngàn đồng)			GIÁ TRỊ CHÊNH LỆCH			GHI CHÚ
						SL THANH LÝ SỔ SÁCH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	SỐ LƯỢNG KIỂM KÊ THỰC TẾ	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	SỐ LƯỢNG	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
7	Cân điện tử	Đại Trường Tiến	VN		2017	1	1.000.000	0	1	1.000.000	0	0		0	
8	Cân đứng	Tanita	VN		2007	1	2.700.000	0	1	2.700.000	0	0		0	
9	Đầu máy DVD	LG (hàng tặng)	VN		2008	1	0	0	0		0	(1)	0	0	
10	Điện thoại + Fax	Panasonic KXFP 701	VN		2011	1	2.050.000	0	1	2.050.000	0	0		0	
11	Điện thoại di động	Nokia 1110	VN		2020	1	1.045.000	0	0		0	(1)	1.045.000	0	
12	Ghế Inox xếp	G1-01-00	VN		2007	2	400.400	0	0		0	(2)	400.400	0	
13	Ghế sắt		VN		1976	3	114.480	0	0		0	(3)	114.480	0	
14	Ghế xoay		VN		2005, 2009, 2021	8	9.164.400	0	4	5.984.000	0	(4)	3.180.400	0	
15	Giường gỗ đôi		VN		1976	1	900.000	0	1	900.000	0	0		0	
16	Giường Inox	31	VN		1995, 2005, 2007, 2014	31	90.160.000	0	5	13.870.000	0	(26)	76.290.000	0	
17	Giường sắt		VN		1975	2	1.800.000	0	2	1.800.000	0	0		0	
18	Hộc sắt	3 ngăn 40x60x100	VN		1976	1	0	0	0		0	(1)	0	0	
19	Kệ gỗ	Ân chỉ	VN		2007	1	500.000	0	1	500.000	0	0		0	

STT	TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THANH LÝ THEO SỔ KẾ TOÁN (ĐVT: Ngàn đồng)			GIÁ TRỊ KIỂM KÊ THANH LÝ (ĐVT: Ngàn đồng)			GIÁ TRỊ CHÊNH LỆCH			GHI CHÚ
						SL THANH LÝ SỔ SÁCH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	SỐ LƯỢNG KIỂM KÊ THỰC TẾ	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	SỐ LƯỢNG	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
20	Kệ gỗ		VN		1975	9	8.100.000	0	9	8.100.000	0	0		0	
21	Kệ gỗ 9 ngăn treo tường		VN		2012	1	500.000	0	1	500.000	0	0		0	
22	Kệ sắt		VN		1976	5	2.500.000	0	5	2.500.000	0	0		0	
23	Két sắt 60x20x100	Công đoàn giao	VN		2000	1	0	0	0		0	(1)	0	0	
24	Màn hình vi tính	Samsung, Lenovo	VN		2010, 2016	2	2.750.000	0	2	2.750.000	0	0		0	
25	Máy Fax	Panasonic KXFP 701	VN		2011	1	2.050.000	0	1	2.050.000	0	0		0	
26	Máy in	HP 1102	VN		2011	3	9.662.900	0	1	4.294.622	0	(2)	5.368.278	0	
27	Máy in HP	1020	VN		2008	1	2.435.880	0	1	2.435.880	0	0		0	
28	Máy in HP	CP1215 (hàng tặng)	VN		2013	1	0	0	1	0	0	0		0	
29	Máy in màu	Epson T50	VN		2014	1	4.950.000	0	1	4.950.000	0	0		0	

STT	TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THANH LÝ THEO SỔ KẾ TOÁN (ĐVT: Ngàn đồng)			GIÁ TRỊ KIỂM KÊ THANH LÝ (ĐVT: Ngàn đồng)			GIÁ TRỊ CHÊNH LỆCH			GHI CHÚ
						SL THANH LÝ SỔ SÁCH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	SỐ LƯỢNG KIỂM KÊ THỰC TẾ	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	SỐ LƯỢNG	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
30	Máy nước nóng gián tiếp 30 l	Centol	VN		2012	2	6.400.000	0	2	6.400.000	0	0		0	
31	Máy nước nóng lạnh	Makano (hàng tặng)	VN		2020	1	0	0	1	0	0	0		0	
32	Máy nước uống nóng lạn	AQUA	VN		2009, 2014	2	5.250.000	0	2	5.250.000	0	0		0	
33	Máy quét mã vạch	Symbol	VN		2018	5	15.125.000	0	1	3.025.000	0	(4)	12.100.000	0	
34	Micro		VN		1980	3	1.500.000	0	1	500.000	0	(2)	1.000.000	0	
35	Quạt công nghiệp		VN		2021	2	7.224.800	0	2	7.224.800	0	0		0	
36	Quạt đứng		VN		2007-2008, 2017-2018, 2021	15	5.375.800	0	0		0	(15)	5.375.800	0	
37	Quạt hơi nước (OPC)	Sanyo REF 8110	VN		2010	1	2.380.000	0	1	2.380.000	0	0		0	
38	Quạt trần		VN		1994, 1997, 2009	21	7.310.000	0	0		0	(21)	7.310.000	0	
39	Quạt treo tường		VN		1994, 2000, 2006 -> 2008, 2019	12	5.171.000	0	0		0	(12)	5.171.000	0	

STT	TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THANH LÝ THEO SỔ KẾ TOÁN (ĐVT: Ngàn đồng)			GIÁ TRỊ KIỂM KÊ THANH LÝ (ĐVT: Ngàn đồng)			GIÁ TRỊ CHÊNH LỆCH			GHI CHÚ
						SL THANH LÝ SỔ SÁCH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	SỐ LƯỢNG KIỂM KÊ THỰC TẾ	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	SỐ LƯỢNG	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
40	Tấm bình phong		VN		2017	1	792.000	0	1	792.000	0	0		0	
41	Tivi	LG 21"	VN		2008	1	2.980.000	0	1	2.980.000	0	0		0	
42	Tivi	JVC 21"	VN		2008	1	2.890.000	0	1	2.890.000	0	0		0	
43	Tivi	JVC 14'	VN		2006	1	1.780.000	0	1	1.780.000	0	0		0	
44	Tủ đầu giường Inox		VN		1996	26	26.770.000	0	1	935.000	0	(25)	25.835.000	0	
45	Tủ đầu giường sắt		VN		1993	30	3.000.000	0	1	300.000	0	(29)	2.700.000	0	
46	Tủ gỗ		VN		1976, 2009, 2013	4	1.900.000	0	4	1.900.000	0	0		0	
47	Tủ lạnh	LEC	VN		1995	1	3.090.000	0	1	3.090.000	0	0		0	
48	Tủ lạnh	Acma	VN		1998	1	2.662.500	0	1	2.662.500	0	0		0	
49	Tủ lạnh	Sanyo 90 lít	VN		2006, 2007	3	5.780.000	0	3	5.780.000	0	0		0	
50	Tủ mát	Alaska LC 1416	VN		2008	1	4.000.000	0	1	4.000.000	0	0		0	

STT	TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THANH LÝ THEO SỔ KẾ TOÁN (ĐVT: Ngàn đồng)			GIÁ TRỊ KIỂM KÊ THANH LÝ (ĐVT: Ngàn đồng)			GIÁ TRỊ CHÊNH LỆCH			GHI CHÚ
						SL THANH LÝ SỔ SÁCH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	SỐ LƯỢNG KIỂM KÊ THỰC TẾ	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	SỐ LƯỢNG	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
51	Tủ sắt		VN		1976	1	500.000	0	1	500.000	0	0		0	
52	Tủ sắt	Kiếng	VN		1976	2	1.600.000	0	0		0	(2)	1.600.000	0	
53	Tủ sắt thuốc		VN		1976	1	500.000	0	1	500.000	0	0		0	
54	Xe đẩy		VN		2002	4	3.480.000	0	4	3.480.000	0	0		0	
55	Xe đẩy (3 bánh)		VN		2009, 2010	3	10.250.000	0	3	10.250.000	0	0		0	
56	Tủ lạnh	National 256 l	VN			0		0	1		0	1		0	
57	Tủ lạnh	Sanyo 186 l	VN			0		0	2		0	2		0	
58	Tủ lạnh	Panasonic 167 l	VN			0		0	1		0	1		0	
59	Tủ lạnh	Daewo 140 l	VN			0		0	1		0	1		0	

STT	TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THANH LÝ THEO SỔ KẾ TOÁN (ĐVT: Ngàn đồng)			GIÁ TRỊ KIỂM KÊ THANH LÝ (ĐVT: Ngàn đồng)			GIÁ TRỊ CHÊNH LỆCH			GHI CHÚ
						SL THANH LÝ SỔ SÁCH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	SỐ LƯỢNG KIỂM KÊ THỰC TẾ	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	SỐ LƯỢNG	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
60	Màn hình vi tính + bàn phím +chuột (Không CPU)		VN			0		0	8		0	8		0	
	TỔNG CỘNG						281.650.160	0		131.849.802	0		149.800.358	0	

Ngày 04 tháng 08 năm 2022

Trưởng Ban Kiểm Kê

BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 2

BS.CKII Trịnh Hữu Tùng